

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 25-02-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Phương.

2. Ông Hoài Đức Huệ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 598/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thu H, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1783, ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Đặng Ngọc N, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1783, ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Trương Thị Thu H trình bày: Chị và anh Đặng Ngọc N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117, quyển số 01/2007 ngày 26 tháng 10 năm 2007. Việc kết hôn giữa chị và anh N trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 01 năm

2020 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh Đặng Ngọc N.

Về con chung: Chị và anh N có 03 con chung là cháu Đặng Thị Thúy A, sinh ngày 05/5/2009; cháu Đặng Thị Thúy N, sinh ngày 06/6/2011 và cháu Đặng Hoàng NH, sinh ngày 01/11/2016. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/02/2021.

Tại hồ sơ có lời khai cháu A, cháu N: Các cháu không có ý kiến gì về việc ba mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng sống với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn, ngoài ra, các cháu không có ý kiến gì thêm.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo giao nộp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đặng Ngọc N nhưng anh N không cung cấp lời khai và cũng không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh N. Về con chung: Giao 03 con chung cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị Thu H khởi kiện ly hôn anh Đặng Ngọc N, anh N hiện đang cư trú và sinh sống tại số nhà 1783, ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N đúng theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh N.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu H và anh Đặng Ngọc N có đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117, quyển số 01/2007 ngày 26 tháng 10 năm 2007 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N. Tại các biên bản làm việc tại Tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh N.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án để lấy ý kiến và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh N không chấp hành mà không có lý do, thể hiện anh N không có thiện chí hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Thu H là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, chị H đều cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Chị H và anh N đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2020 cho đến nay. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị H và anh N có 03 con chung là cháu Đặng Thị Thúy A, sinh ngày 05/5/2009; cháu Đặng Thị Thúy N, sinh ngày 06/6/2011 và cháu Đặng Hoàng NH, sinh ngày 01/11/2016. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi 03 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu A và Nhàn có nguyện vọng sống với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Hiện 03 cháu đang sống ổn định cùng chị H, do đó Hội đồng xét xử nghĩ giao 03 con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo việc sinh hoạt, học hành của con chung. Tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Trương Thị Thu H đối với anh Đặng Ngọc N.

Xử cho chị Trương Thị Thu H được ly hôn với anh Đặng Ngọc N.

Về nuôi con chung: Giao 03 con chung là cháu Đặng Thị Thúy A, sinh ngày 05/5/2009; cháu Đặng Thị Thúy N, sinh ngày 06/6/2011 và cháu Đặng Hoàng NH, sinh ngày 01/11/2016 cho chị Trương Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Đặng Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đặng Ngọc N được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

2. Về án phí: Chị Trương Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000871 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang

